

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu đô thị phía Tây Nam cầu Long Vân tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Theo Văn bản số 89/BVPTR-KHKT ngày 14/02/2025 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Dự án Khu đô thị phía Tây Nam cầu Long Vân tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn;

Xét đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại Văn bản số 99/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 21/02/2025 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 39/TTr-SNN ngày 26/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu đô thị phía Tây Nam cầu Long Vân tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, với tổng diện tích là 4,80 ha, trong đó:

- Diện tích 4,80 ha (rừng trồng 1,398 ha; đất không có rừng (có nguồn gốc từ rừng trồng) 3,402 ha), thuộc quy hoạch rừng phòng hộ.

- Vị trí: Thuộc khoảnh 4, tiểu khu 329A, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Ranh giới: Giới hạn điểm góc có tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi 3 độ tại phụ lục kèm theo.

- Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ kèm theo, gồm:

+ Văn bản số 99/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 21/02/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh về việc đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Văn bản số 89/BVPTR-KHKT ngày 14/02/2025 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Dự án Khu đô thị phía Tây Nam cầu Long Vân tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.

+ Báo cáo kết quả điều tra hiện trạng rừng khu vực thực hiện Dự án Khu đô thị phía Tây Nam cầu Long Vân tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định; chỉ đạo đơn vị liên quan cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (Tăng/Giảm) theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, tham mưu UBND tỉnh giải quyết các nội dung liên quan đến đất đai để thực hiện Dự án theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

[Handwritten signature]

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

[Handwritten signature]

Nguyễn Tuấn Thanh



Phụ lục
Tọa độ chuyển mục đích sử dụng rừng Dự án Khu đô thị phía Tây Nam
cầu Long Vân tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2025 của UBND tỉnh)

STT	X	Y	STT	X	Y
1	1.525.690,80	598.963,06	27	1.525.336,24	598.456,59
2	1.525.691,75	598.951,12	28	1.525.289,06	598.422,77
3	1.525.694,46	598.861,61	29	1.525.207,90	598.384,04
4	1.525.685,46	598.848,12	30	1.525.194,14	598.381,00
5	1.525.653,23	598.856,62	31	1.525.165,07	598.375,95
6	1.525.631,16	598.817,67	32	1.525.118,79	598.367,72
7	1.525.594,04	598.779,57	33	1.525.057,99	598.356,84
8	1.525.596,44	598.752,42	34	1.525.064,76	598.365,03
9	1.525.538,66	598.711,22	35	1.525.054,15	598.365,50
10	1.525.529,47	598.695,99	36	1.525.026,67	598.375,89
11	1.525.529,53	598.695,09	37	1.525.012,30	598.393,52
12	1.525.529,47	598.695,99	38	1.525.027,14	598.422,85
13	1.525.529,84	598.690,40	39	1.525.060,44	598.428,80
14	1.525.536,23	598.683,04	40	1.525.093,19	598.402,78
15	1.525.539,55	598.675,02	41	1.525.135,54	598.410,32
16	1.525.518,19	598.659,32	42	1.525.165,74	598.452,95
17	1.525.508,12	598.649,91	43	1.525.276,91	598.469,08
18	1.525.505,49	598.649,59	44	1.525.329,02	598.496,47
19	1.525.497,14	598.633,79	45	1.525.343,81	598.513,30
20	1.525.449,65	598.573,50	46	1.525.428,86	598.610,05
21	1.525.449,65	598.570,22	47	1.525.472,05	598.653,57
22	1.525.437,23	598.557,51	48	1.525.513,78	598.707,55
23	1.525.436,99	598.557,42	49	1.525.518,69	598.743,65
24	1.525.423,82	598.540,70	50	1.525.537,13	598.770,45
25	1.525.423,82	598.540,70	51	1.525.595,91	598.831,71
26	1.525.418,44	598.533,87			